

Bản án số: 145 /2019/DS-PT

Ngày: 21 - 5 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2018/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện U, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện U, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Thanh Triển - Luật sư Văn phòng luật sư Thịnh Quốc thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, xã H, Thị Trấn U, tỉnh C..

2. Ông Trần Quang V, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 24 , phường 5, thành phố C, tỉnh C.

3. Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 72, Nguyễn Ngọc Sanh, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị Ngoạt (là vợ ông N, đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngoạt:

1. Anh Trần Nhật Trường, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện U, tỉnh C.

2. Chị Trần Phượng Q, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Quyên: Ông Trần Văn N, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện U, tỉnh C (có mặt).

3. Chị Trần Ngọc Tr, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: số phường V, thành phố R, tỉnh G

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:* Năm 2017 bà H nhận chuyển nhượng của ông Trần Quang V và bà Trần Ngọc B 02 thửa đất thuộc Ấp 1, xã H, huyện U, tỉnh C. Thửa thứ nhất (thửa đất số 89) có diện tích 256,4m², thửa thứ hai (thửa đất số 90) có diện tích 256,4m² cùng tờ bản đồ số 20. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do trước đó ông N có cất nhà ở nhờ trên đất bà H nhận chuyển nhượng, nên bà H có gặp ông N để trao đổi hỗ trợ di dời nhà nhưng ông N không đồng ý và cho rằng đất ông N ở do ông N tự khai phá nên phát sinh tranh chấp. Bà H yêu cầu ông N di dời nhà ở và cây cối trên đất để trả lại đất cho bà H theo diện tích đất đo đạc thực tế cụ thể như sau:

Đối với thửa đất số 89, yêu cầu ông N trả lại diện tích 200,7m² (ngang 5m x dài 40,78m).

Đối với thửa đất số 90, yêu cầu ông N trả lại diện tích 258,2m² (ngang 5m x dài 52,2m).

Bà H tự nguyện hỗ trợ cho ông N tiền di dời nhà ở và tiền công đầu tư trên đất bằng 30.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Trần Văn N trình bày:* Vào năm 1995 ông N từ Kiên Giang đến xã Khánh Hội, huyện U Minh khai phá phần đất trống gần Đồn Biên Phòng xã Khánh Hội để cất nhà ở. Năm 2004, năm 2006 ông N có đóng thuế nhà đất, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông N chưa làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015 ông N với ông V có tranh chấp đất, Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội có hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2017 thì tranh chấp đất với bà H do bà H nhận chuyển nhượng đất của ông V, bà B. Khi bà H nhận chuyển nhượng đất của ông V, bà B thì có gặp ông N để thỏa thuận việc di dời, đầu tư trên đất nhưng ông không đồng ý.

Trên phần đất tranh chấp chỉ có ông N với vợ ông N khi còn sống cùng sinh sống tại phần đất này.

Việc bà H yêu cầu ông trả lại đất có tổng diện tích là 437,8m² thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định cấp đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Quang V, bà Trần Ngọc B. Hủy các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông V, bà B với bà H. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H. Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 634m² tại ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh là đất của ông N.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngoat anh Trần Nhật Trường, chị Trần Ngọc Tr:* thống nhất theo lời trình bày của ông N.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 6 năm 2018 chị Trần Ngọc Tr trình bày:* Chị thống nhất theo lời trình bày của ông Trần Văn N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang V, bà Trần Ngọc B thống nhất trình bày:* Phần đất ông V, bà B chuyển nhượng cho bà H có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp cho ông V vào năm 1996, đến ngày 24/3/2017 ông được Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông V, bà B đã chuyển nhượng lại phần đất trên cho bà H.

Tại bản án sơ thẩm số: 65/2018/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H về việc yêu cầu ông Trần Văn N khai thác cây cối, công trình, di dời nhà đi nơi khác trả phần đất có diện tích 458,9 m². Đất có vị trí như sau:

Đối với thửa đất số 89:

- + Phía Đông giáp đất Đồn biên phòng dài 40,7 mét.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 90 dài 40,7 mét.
- + Phía Nam giáp đất giao thông dài 05 mét.
- + Phía Bắc giáp quỹ đất của xã Khánh Hội quản lý dài 05 mét.

Đối với thửa đất số 90:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 89 dài 52,2 mét.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 91 của bà Lâm Thị H dài 52,2 mét.
- + Phía Nam giáp đất giao thông dài 05 mét.
- + Phía Bắc giáp quỹ đất của xã Khánh Hội quản lý dài 05 mét.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Buộc ông N tháo dỡ toàn bộ phần kiến trúc các căn nhà và các công trình trên đất và di dời 08 cây mai vàng, 01 cây mai trắng, 01 cây bông giấy đi nơi khác để trả đất cho bà H tổng diện tích đất 458,9m².

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn N về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định cấp đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần

Quang V, bà Trần Ngọc B, hủy các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông V, bà B với bà H và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

Buộc bà H trả cho ông N số tiền cây trồng và chi phí đào ao, chuồng heo với số tiền 14.853.808 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc hỗ trợ di dời nhà cho ông N với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/01/2019 ông Trần Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn N giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ cho ông N phát biểu quan điểm tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là của ông N. Lý do ông N đã sinh sống trên phần đất này từ năm 1995, có làm nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất vào năm 2004, năm 2006. Ngoài phần đất tranh chấp này thì ông N không còn phần đất ở nào khác, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quang V và bà Nguyễn Ngọc B là không đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Phần đất tranh chấp các bên đương sự thống nhất theo số liệu đo đạc thực tế có tổng diện tích 458,9m², trong đó phần đất diện tích 200,7m² đất thuộc một phần của thửa số 89 và phần đất diện tích 258,2m² đất thuộc thửa số 90, đất thuộc tờ bản đồ số 20 tọa lạc ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do bà Lâm Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N là người trực tiếp quản lý sử dụng đất.

Theo ông N trình bày vào năm 1995 ông N từ tỉnh Kiên Giang đến xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau sinh sống, do không có nơi ở nên ông N đến phần đất trống gần Đồn Biên phòng thuộc ấp 1, xã Khánh Hội để khai phá phần đất này và cất nhà ở trên đất cho đến nay. Ngược lại ông Trần Quang V và bà Nguyễn Ngọc B cho rằng năm 1996 ông V và bà B được Ủy ban nhân dân huyện U Minh ra quyết định cấp cho ông V, bà B phần đất hiện bà H tranh chấp với ông N, sau đó ông V và bà B chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất được cấp cho bà H. Đối với bà H cho rằng, nguồn gốc đất bà H đang tranh chấp với ông N là do bà H nhận

chuyển nhượng lại từ ông V và bà B, đến ngày 20/4/2017 bà H được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp quyền sử dụng đất cho bà H.

Xét lời trình bày của các bên đương sự về nguồn gốc đất tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo mục kê đất đai năm 1993 thể hiện phần đất bà H tranh chấp với ông N do Đồn Biên phòng xã Khánh Hội là đơn vị đăng ký mục kê sử dụng. Năm 1996 Ủy ban nhân dân huyện U Minh xét cấp đất cho ông Trần Quang V theo Quyết định số 788/QĐ-UB ngày 19/9/1996 và xét cấp đất cho bà Trần Ngọc B theo Quyết định số 793/QĐ-UB ngày 19/9/1996, đối tượng được cấp là cấp theo chế độ cán bộ công nhân viên. Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện U Minh quyết định cấp đất thì ông V và bà B chưa có điều kiện để về sinh sống trên phần đất được cấp do được điều động công tác tại nơi khác. Đến ngày 24/3/2017 ông V và bà B được Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được cấp theo quyết định, cụ thể ông V được cấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 90 với diện tích 256,4m² và bà B được cấp quyền sử dụng đất tại thửa số 89 với diện tích 256,4m² đất tọa lạc tại ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh. Ngày 03/4/2017 ông V và bà B lập hợp đồng chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho bà H, bà H đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp quyền sử dụng đất vào ngày 20/4/2017.

Ngoài ra theo biên bản xác minh của chính quyền địa phương về nguồn gốc đất của ông Trần Văn N vào ngày 22/10/2014, tức trước thời điểm ông N với ông V có xảy ra tranh chấp đất theo như ông N trình bày, thì tại thời điểm xác minh ông N xác định phần đất ông N ở là đất mượn của Đồn Biên phòng. Theo biên bản xác minh ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đối với Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội thể hiện năm 2015 ông V có yêu cầu địa phương giải quyết tranh chấp đất với ông N là có thực tế, tại buổi làm việc giữa Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội với ông V và ông N chỉ lập biên bản ghi lời trình bày của các bên chứ không lập biên bản hòa giải, qua làm việc tại địa phương khi đó ông N trình bày đất ông N cất nhà ở là đất mượn của Đồn Biên phòng, không phải đất của ông N, ông N không tranh chấp đất với ông V, do xác định đất không có tranh chấp nên ông V yêu cầu nhận lại toàn bộ hồ sơ vụ việc, nên Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội đã trả lại toàn bộ hồ sơ cho ông V mà không lưu giữ lại tài liệu gì. Như vậy giả thiết ông N thực tế có cất nhà ở trên phần đất tranh chấp từ năm 1995, nhưng qua các chứng cứ đã thể hiện việc ông N mượn đất của Đồn Biên phòng cất nhà ở để sinh sống làm ăn là thực tế, vì vậy năm 1996 Ủy ban nhân dân huyện U Minh ra quyết định giao đất cho ông V và bà B theo chế độ cán bộ công nhân viên mà không phải ra quyết định thu hồi đất đối với ông N là đúng với quy định của pháp luật. Mặc khác tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà B năm 2017, cơ quan có thẩm quyền cũng đã tiến hành xác minh làm việc với ông N, đo đạc thực tế phần đất ông N đang cất nhà ở, nên xét về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và bà B là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N tranh luận cho rằng phần đất tranh chấp với bà H do ông N tự khai phá, ngoài phần đất tranh chấp nêu trên thì ông N không còn phần đất ở nào khác, do ông N khai phá đất nên vào năm 2004 và năm 2006 ông N có nộp thuế sử dụng đất. Đối với anh Trường tranh luận cho rằng, chính

quyền địa phương lập phiếu lấy ý kiến dân cư xác định đất không tranh chấp để từ đó làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông V và bà B là không khách quan, ngoài ra anh Trường còn yêu cầu xem xét lại thực tế ông V và bà B không quản lý sử dụng phần đất tranh chấp. Chứng minh cho lời trình bày của mình thì ông N có cung cấp giấy xác nhận của ông Phạm Trung Tính, ông Nguyễn Văn Vĩnh, bà Lâm Thị Lũy, bà Trần Thị Bé Năm xác nhận việc ông N sinh sống trên phần đất tranh chấp từ năm 1995, ngoài ra ông N còn cung cấp thêm các biên lai thu thuế năm 2004 và năm 2006. Anh Trường thì không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định của pháp luật thì người sử dụng đất có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, như vậy tại thời điểm năm 2004 và năm 2006 ông N trực tiếp sử dụng phần đất này nên cơ quan Nhà nước thu thuế sử dụng đất đối với ông N là đúng quy định, đối với việc có nhiều người xác nhận ông N sinh sống trên phần đất tranh chấp từ năm 1995 cũng không làm thay đổi được thực tế việc ông N mượn đất để ở. Về trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông V và bà B theo quy định không bắt buộc phải thực hiện việc lập phiếu lấy ý kiến dân cư. Xét thấy không có cơ sở để kết luận phần đất tranh chấp ông N là người sử dụng hợp pháp do ông N tự khai phá.

Sau khi ông V và bà B được Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, theo quy định của pháp luật thì ông V và bà B được quyền chuyển nhượng lại đất cho bà H, và trên thực tế ngày 03/4/2017 ông V và bà B đã chuyển nhượng lại phần đất trên cho bà H, đến ngày 20/4/2017 bà H được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định tại Điều 99 Luật đất đai, Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H buộc ông N trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 458,9m² do ông N quản lý sử dụng; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N về việc: Hủy quyết định cấp đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Quang V, bà Trần Ngọc B; Hủy các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông V, bà B với bà H; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H; Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 634m² tại ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh là có căn cứ.

[2] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N, cũng như ý kiến tranh luận của Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Trần Văn N thuộc hộ nghèo và là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H về việc yêu cầu ông Trần Văn N khai thác cây cối, công trình, di dời nhà đi nơi khác trả phần đất có tổng diện tích 458,9m². Cụ thể đất có diện tích và vị trí như sau:

Đối với thửa đất số 89: Diện tích 200,7m²

+ Phía Đông giáp đất Đồn biên phòng dài 40,7 mét.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 90 dài 40,7 mét.

+ Phía Nam giáp đất giao thông dài 05 mét.

+ Phía Bắc giáp quỹ đất của xã Khánh Hội quản lý dài 05 mét.

Đối với thửa đất số 90: Diện tích 258,2m².

+ Phía Đông giáp thửa đất 89 dài 52,2 mét.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 91 của bà Lâm Thị H dài 52,2 mét.

+ Phía Nam giáp đất giao thông dài 05 mét.

+ Phía Bắc giáp quỹ đất của xã Khánh Hội quản lý dài 05 mét.

(Có sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 05/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh kèm theo)

Buộc ông N tháo dỡ toàn bộ phần kiến trúc các căn nhà và các công trình trên đất và di dời 08 cây mai vàng, 01 cây mai trắng, 01 cây bông giấy đi nơi khác để trả đất cho bà H tổng diện tích đất 458,9 m².

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn N về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định cấp đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quang V, bà Trần Ngọc B, hủy các hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông V, bà B với bà H và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

Buộc bà H trả cho ông N số tiền cây trồng và chi phí đào ao, xây chuồng heo với số tiền 14.853.808 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc hỗ trợ di dời nhà cho ông N với số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức

lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N được miễn nộp toàn bộ án phí. Bà Lâm Thị H phải chịu 743.000 đồng. Ngày 05 tháng 10 năm 2017 bà H có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011608 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ bà H được nhận lại 3.057.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn N được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. U Minh;
- Chi cục THADS H. Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung